

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa:

***Nguyên đơn:** Ông Trần Văn S; sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn N, xã BK, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

***Bị đơn:** Bà Vũ Thị T; sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn N, xã BK, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Văn S và bà Vũ Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về con chung:** Bà Vũ Thị T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trần Văn B, sinh ngày 23/10/1990 (con đã thành niên, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình).

Ông Trần Văn S tự nguyện cấp dưỡng cho con chung Trần Văn B số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 7 năm 2021.

Ông Trần Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Bà Vũ Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Trần Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* **Về án phí:** Ông Trần Văn S phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Bà Vũ Thị T phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã BK);
- Lưu HS;VP.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thịnh